

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **30** /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày **04** tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh
tại kỳ họp thứ 30 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra 10 tờ trình kèm 10 dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 30 HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, tham vấn một số ngành, địa phương, đơn vị có liên quan; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

I. Đầu tư công

Việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công hàng năm và trung hạn 2021-2025 phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 71 Luật Đầu tư công¹. Qua rà soát các quy định của pháp luật, tình hình thực tế địa phương và Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 50; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung: Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn cân đối theo tiêu chí; bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn thu từ xổ số kiến thiết và đấu giá quyền sử dụng đất; giảm dự toán kế hoạch năm 2024 và điều chỉnh kế hoạch năm 2025 từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý. Cụ thể:

1. Giảm dự toán kế hoạch năm 2024 và điều chỉnh kế hoạch năm 2025 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý (Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 27/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Giảm dự toán kế hoạch năm 2024 từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý

¹ "... 7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây: a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương; c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương..."

Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng được giao kế hoạch năm 2024 là 35.000 triệu đồng, trong đó phân bổ cho đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất là 5.250 triệu đồng; các 11 dự án phát triển KTXH là 29.750 triệu đồng². Kết quả thực hiện năm 2024 nguồn vốn này chưa thu được nên không có vốn để giải ngân. Để có cơ sở bố trí vốn tiếp cho các năm sau, đảm bảo số vốn bố trí hàng năm không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được giao, cần thiết điều chỉnh giảm dự toán toàn bộ số vốn được giao kế hoạch năm 2024 cho các công trình sử dụng nguồn vốn nói trên.

b) Điều chỉnh kế hoạch năm 2025 từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất do tỉnh quản lý

Năm 2025, một số công trình trụ sở khởi công mới năm 2025 phải tạm dừng triển khai xây dựng theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 1907-CV/TU ngày 05/3/2025 và một số công trình chuyển tiếp cần giãn tiến độ để ưu tiên điều chuyển vốn sang cho các công trình khác cần đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng như sau:

b1) Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng

- Điều chỉnh giảm **28.163 triệu đồng** của các công trình dự án gồm: (1) Điều chỉnh giảm 21.478,5 triệu đồng các dự án xây dựng trụ sở UBND xã khởi công mới năm 2025³; (2) Giảm **6.684,5 triệu đồng** Dự án Đường dân sinh kết nối Khu phố 3 và Khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà đến nay dự án chưa được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Điều chỉnh tăng **28.163 triệu đồng** cho 11 dự án tương ứng thuộc kế hoạch năm 2024, nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng đã điều chỉnh giảm dự toán kế hoạch năm 2024 để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành; riêng dự án Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong đề xuất bố trí theo nhu cầu vốn để hoàn thành dự án (*số vốn bổ sung kế hoạch năm 2025 thấp hơn số vốn điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2024 là 1.587 triệu đồng*).

² Gồm các dự án: Đường hầm sở chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2); Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong; Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng); Nâng cấp một số tuyến đường nội thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa; Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa; Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang; Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên; Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới; Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông; Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

³ Trụ sở làm việc xã Xy: 2.847,0 triệu đồng (giữ lại KH2025 là 2.000 triệu đồng để hoàn trả vốn ứng trước); Trụ sở UBND xã Hướng Linh; Trụ sở UBND xã Tà Long; Trụ sở UBND xã Triệu Long; Trụ sở làm việc HĐND&UBND xã Gio Sơn; Hạng mục: nhà làm việc; Trụ sở làm việc HĐND&UBND xã Gio Sơn; Hạng mục: nhà làm việc.

b2) Nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất ở

- Điều chỉnh **giảm 15.709 triệu đồng** của 04 dự án (gồm: (1) Dự án Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5 (5.000 triệu đồng); (2) Dự án Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông) (4.628 triệu đồng); (3) Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (81 triệu đồng); (4) Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (6.000 triệu đồng)) để bổ sung cho dự án (1) Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây (9.709 triệu đồng); (2) Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 6.000 triệu đồng do nguồn thu kế hoạch 2024 không đạt để đẩy nhanh tiến độ.

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn vượt thu xổ số kiến thiết năm 2024 và nguồn vốn vượt thu đầu giá quyền sử dụng đất năm 2024 do tỉnh quản lý (Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 03/4/2025 thay thế Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 27/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn Xổ số kiến thiết cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

Năm 2024, tổng nguồn thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết là 63.602,78 triệu đồng, trong đó đã phân bổ kế hoạch năm 2024 là 45.000 triệu đồng⁴; số thu còn lại chưa phân bổ là **18.602,78 triệu đồng**. **Việc phân bổ nguồn vốn Xổ số kiến thiết phù hợp quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 22⁵ Thông tư 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027**, sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tình hình thực tế của địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thống qua phương án phân bổ như sau: (1) Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 cho Dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở

⁴ Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh.

⁵ b) Về xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn cân đối NSDP:...- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTPT, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại bố trí thực hiện các nhiệm vụ ĐTPT quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của NSDP, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị⁶ **5.388 triệu đồng** để đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành dự án trong năm 2025 (2) Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (khi đủ điều kiện) các công trình đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nhằm hoàn thiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới với số **vốn 10.000 triệu đồng**⁷ (3) Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 cho nhiệm vụ xây dựng nhà ở công vụ cho giáo viên vùng khó khăn⁸: **3.214,78 triệu đồng**.

b) Nguồn vốn vượt thu từ đấu giá quyền sử dụng đất kế hoạch năm 2024 do tính quản lý

Năm 2024 tổng số tiền thu của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh là 216.342.609.417 đồng/ số giao là 215.000.000.000 đồng, vượt thu là **1.342.609.417 đồng** so với dự toán được giao sau điều chỉnh⁹. Căn cứ Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất phân bổ số vốn vượt thu như sau: (1) Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất (15%): **201.391.000 đồng**; (2) Bố trí cho dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất (47%): **631.000.000 đồng**¹⁰; (3) Bố trí cho dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (38%): **510.218.417 đồng**¹¹ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí (Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 27/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Để đảm bảo tiến độ giải ngân chung của tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách thống

⁶ Tổng mức đầu tư của dự án là 104.896 triệu đồng, thời gian thực hiện dự án năm 2022-2025. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, dự án được phân bổ 3.320 triệu đồng từ nguồn vốn xổ số kiến thiết. Hiện nay, tổng số vốn đã được bố trí hàng năm là 99.378 triệu đồng.

⁷ Gồm 02 dự án: Dự án Trường THCS&THPT Cồn Tiên: 7.000 triệu đồng; Dự án Trường THCS&THPT Cửa Việt: 3.000 triệu đồng.

⁸ Theo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Phiên họp ngày 01/4/2025 (Thông báo số 941/TB/TU ngày 02/4/2025).

⁹ Năm 2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh được UBND tỉnh giao dự toán thu tiền sử dụng đất là 295.000 triệu đồng (tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 18/01/2024) và đã điều chỉnh giảm dự toán còn 215.000 triệu đồng (tại Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 16/12/2024).

¹⁰ Dự án Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà.

¹¹ Dự án Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1

nhất đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 là **02 tỷ đồng** từ Nhiệm vụ quyết toán và **20 tỷ đồng** Dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 để bổ sung cho dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên (02 tỷ đồng) và Dự án đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 1 (**20 tỷ đồng**) đang triển khai thực hiện, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

II. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 27/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 1281/NQ-UBTVQH15 ngày 14/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025, sau khi điều chỉnh, tổng số vốn đầu tư phát triển năm 2025 phân bổ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho mỗi huyện không thay đổi, để đảm bảo đủ điều kiện giải ngân các nguồn vốn; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất điều chỉnh phân bổ **nội bộ 3.571,6 triệu đồng** vốn kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh như sau:

1. Các xã từ 15 đến 18 tiêu chí

- Huyện Triệu Phong: 8.929 triệu đồng (02 xã: Triệu Cơ, Triệu Tân): tăng thêm 892,9 triệu đồng từ kế hoạch vốn năm 2025 của xã Triệu Sơn chuyển vào xã Triệu Cơ.

- Huyện Gio Linh: 5.357,4 triệu đồng (02 xã: Gio Mai, Hải Thái): giảm 2.678,7 triệu đồng của xã Gio Châu để chuyển qua xã Gio Quang và thị trấn Gio Linh.

2. Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới

- Huyện Triệu Phong: 11.607,7 triệu đồng (13 xã: Triệu Đại, Triệu Thuận, Triệu Trạch, Triệu Thành, Triệu Giang, Triệu Phước, Triệu Trung, Triệu Thượng, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu Độ): giảm 892,9 triệu đồng của xã Triệu Sơn để chuyển vào xã Triệu Cơ.

- Huyện Hải Lăng: 10.714,8 triệu đồng (11 xã: Hải Quy, Hải Định, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Trường, Hải Hưng, Hải Lâm, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Dương, Hải Bình): giữ nguyên số tiền, chỉ điều chỉnh số xã và tên xã.

- Huyện Gio Linh: 11.607,7 triệu đồng (09 xã, thị trấn: Gio An, Phong Bình, Trung Sơn, Trung Hải, Gio Mỹ, Gio Quang, Gio Sơn, Trung Giang, thị trấn Cửa Việt): tăng 2.678,70 triệu đồng của xã Gio Châu để chuyển vào xã Gio Quang và

thị trấn Gio Linh.

3. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh.

III. Các quy định, chính sách địa phương

1. Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 27/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục và thẩm quyền

Nội dung quy định về nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà số 27/2023/QĐ15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 năm 2024; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương; ý kiến tham gia của UBMTTQVN tỉnh; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định và đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh tại khoản 1 Điều 15¹² Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Lý do, sự cần thiết trình tại kỳ họp thứ 30 HĐND tỉnh

Việc ban hành Nghị quyết để đảm bảo cơ sở pháp lý, triển khai và cụ thể hóa các quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; là căn cứ để UBND tỉnh bố trí kinh phí, UBND các huyện, thành phố, thị xã kịp thời phân bổ kinh phí cho các xã, phường, thị trấn từ nay đến khi hoàn chỉnh việc không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã theo Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức bộ máy.

¹² “1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này”.

c) Nội dung

Nội dung quy định về nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan; đảm bảo đầy đủ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ, phạm vi hỗ trợ với định mức hỗ trợ và sử dụng nguồn kinh phí đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh như sau:

c1) Định mức hỗ trợ

- Sử dụng 90% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 112/2024/NĐ-CP hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo định mức: 1.350.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa; 675.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại (*trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa*) và hỗ trợ thêm 1.350.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

- Sử dụng 10% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1, Điều 14 Nghị định 112/2024/NĐ-CP và nguồn thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để bố trí cho các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ.

c2) Sử dụng kinh phí

- Các huyện, thành phố, thị xã sử dụng tối thiểu 50% kinh phí được phân bổ phần 90% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 112/2024/NĐ-CP để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Kinh phí còn lại thực hiện các hoạt động cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa và sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng 10% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 112/2024/NĐ-CP và nguồn thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ

đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; xây dựng các mô hình điểm trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất lúa (*giống mới, quy trình sản xuất, công nghệ mới*) làm cơ sở chuyển giao cho các địa phương triển khai nhân rộng và hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 27/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục và thẩm quyền

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào thực tế địa phương¹³ để quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Dự thảo Nghị quyết cho ý kiến của HĐND tỉnh và dự thảo Quyết định đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương; ý kiến tham gia của UBMTTQVN tỉnh; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định và đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện. Đúng thẩm quyền cho ý kiến của HĐND tỉnh quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 26¹⁴, điểm c khoản 2 Điều 27¹⁵, khoản 3 Điều 28¹⁶ Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

b) Lý do, sự cần thiết

Hiện nay, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm

¹³ Hiện nay, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/12/2019 và Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh. Nay UBND tỉnh trình xin ý kiến của HĐND tỉnh về mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để thay thế Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/12/2019 và Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020

¹⁴ “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

¹⁵ “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

¹⁶ “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/12/2019 và Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị (các mức tỷ lệ % được xây dựng trên cơ sở căn cứ quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013). Việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi ban hành Quyết định Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết, làm cơ sở để UBND tỉnh ban hành mới thay thế các quyết định trên, sớm triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

c) Nội dung

Qua rà soát hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành, tình hình thực tế tại địa phương, có so sánh mức tương đồng với các tỉnh lân cận. Căn cứ kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 50, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất phạm vi, đối tượng với các mức quy định như sau:

c1) Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá

STT	Mục đích sử dụng đất, địa bàn	Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất hàng năm
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất thương mại, dịch vụ	
1.1	Thành phố Đông Hà:	
1.1.1	Các vị trí mặt tiền thuộc các tuyến đường có tên trên địa bàn thành phố Đông Hà	1,3
1.1.2	Các vị trí còn lại trên địa bàn tp Đông Hà	1,2
1.2	Thị xã Quảng Trị	
1.2.1	Các vị trí mặt tiền thuộc các tuyến đường có tên trên địa bàn thị xã Quảng Trị	1,2
1.2.2	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị xã Quảng Trị	1,1
1.3	Các thị trấn trên địa bàn tỉnh	1,0
1.4	Các huyện có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (bao gồm các huyện trừ huyện Hướng Hóa,	0,9

	<i>Đakrông và huyện Đảo Côn Cỏ, trừ các thị trấn thuộc huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn)</i>	
1.5	Các huyện có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm: Huyện Hướng Hóa và Đakrông, huyện Đảo Côn Cỏ, trừ thị trấn thuộc huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)	0,8
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại, dịch vụ của dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ	
2.1	Thành phố Đông Hà	0,85
2.2	Thị xã Quảng Trị	0,8
2.3	Các thị trấn trên địa bàn tỉnh	0,7
2.4	Các huyện có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (bao gồm các huyện trừ huyện Hướng Hóa, Đakrông và huyện Đảo Côn Cỏ, trừ các thị trấn thuộc huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn)	0,65
2.5	Các huyện có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm: Huyện Hướng Hóa và Đakrông, huyện Đảo Côn Cỏ và các đảo thuộc tỉnh, trừ thị trấn thuộc huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)	0,6
3	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (áp dụng cho toàn tỉnh, kể cả các trường hợp thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ)	1,3
4	Đất Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp (kể cả các trường hợp thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ)	
4.1	Khu công nghiệp Nam Đông Hà	0,85
4.2	Khu công nghiệp Quán Ngang	0,85

4.3	Các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	0,75
4.4	<i>Dự án trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư được giảm 0,05% so với tỷ lệ % của Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tương ứng</i>	
5	Đất Khu kinh tế, Khu thương mại (Chỉ áp dụng đối với các KCN, CCN tập trung)	
5.1	Khu kinh tế Đông Nam	0,65
5.2	Khu thương mại Lao Bảo	0,60
5.3	<i>Dự án trong Khu kinh tế, Khu thương mại thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư được giảm 0,05% so với tỷ lệ % của Khu kinh tế, Khu thương mại (Chỉ áp dụng đối với các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tập trung) tương ứng</i>	
6	Đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp (các loại đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Luật đất đai 2024), trừ mục số 4, 5 nêu trên	0,6
7	Các trường hợp thuê đất không thuộc trường hợp quy định tại mục số 1, 2, 3, 4, 5, 6 nêu trên	1,0

c2) Mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng **20%** của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng **20%** của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

- Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất đó thì đơn giá thuê đất của phần diện tích vượt này được xác định theo quy định tại 2 nội dung nêu trên.

c3) Mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% của đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian

thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

3. Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 03/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục và thẩm quyền

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp với quy định của Luật Đường bộ năm 2024, Luật ngân sách nhà nước năm 2015, các văn bản hướng dẫn hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương; ý kiến tham gia của UBMTTQVN tỉnh; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định và đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 57¹⁷ Luật Đường bộ năm 2024.

b) Nội dung

Qua rà soát hồ sơ, đối chiếu với các quy định hiện hành, nhu cầu và tình hình thực tế tại địa phương. Ngày 01/4/2025 Ban Kinh tế - Ngân sách có Văn bản số 29/HĐND-KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung và làm rõ một số nội dung trình kỳ họp thứ 30- HĐND tỉnh; ngày 02/4/2025 UBND tỉnh đã có Văn bản số 1303/UBND-KT về việc báo cáo bổ sung và làm rõ một số nội dung liên quan tại Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh; căn cứ Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 50, ngày 03/4/2025 UBND tỉnh có Tờ trình số 61/TTr-UBND thay thế Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh. Theo quy định hiện hành, khả năng triển khai chính sách tại địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua phạm

¹⁷ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nguồn lực địa phương quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé”.

vi, đối tượng áp dụng và các chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo đề nghị của UBND tỉnh¹⁸ trình tại kỳ họp.

IV. Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 27/3/2025 và Văn bản số 1306/UBND-KT ngày 03/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền

Việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đợt 2) phù hợp với các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn hiện hành. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) có văn bản lấy các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã đề xuất danh mục các khu đất; trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các đơn vị; ý kiến tham gia của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham đã được cơ quan soạn thảo tổng hợp, tiếp thu và hàn thiện. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 126 Luật Đất đai 2024¹⁹ và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024²⁰ của Chính phủ, làm cơ sở để triển khai các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

2. Nội dung

Qua rà soát các quy định của pháp luật, khảo sát thực địa, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 50; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

¹⁸ Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 03/4/2025.

¹⁹ “Điều 126. Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

3. Điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm: a) Thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;...

4. Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.”

²⁰ “3. Quy đất dự kiến thực hiện dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:...

b) Thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai”.

trình tại kỳ này như sau:

a) Khu đất thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và phù hợp với các tiêu chí tại Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm 04 khu đất, gồm: (1) Khu đô thị đường hai đầu cầu sông Hiếu (2) Khu đô thị Nam sông Hiếu, phường 3, thành phố Đông Hà (3) Khu đô thị phía Nam thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng (4) Khu dân cư Nam sông Vĩnh Phước.

b) Khu đất thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, gồm 15 khu:

- (1) Sân tập thể thao đa năng Hoàng Gia; (2) Khu liên hợp xử lý chất thải Quảng Trị; (3) Khu thể thao giải trí Rum Sport.

- Đối với 12 khu đất thực hiện dự án năng lượng²¹ tại khu vực địa bàn huyện Hướng Hóa đã có trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Hiện nay, chỉ tiêu diện tích đất năng lượng còn lại trên địa bàn huyện Hướng hóa chỉ còn khoảng 5,8ha; sau khi HĐND tỉnh thông qua 12 danh mục này tại kỳ họp, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, đối chiếu số liệu và dự kiến phương án điều chỉnh đất phi nông nghiệp theo quy định để đảm bảo diện tích đất năng lượng phân bổ cho huyện Hướng Hóa theo đề xuất của các dự án (*Riêng dự án Nhà máy điện gió Cam Lộ dự kiến công suất 200MW, UBND tỉnh xác định địa điểm thực hiện tại xã Cam Thành và xã Cam Nghĩa thuộc huyện Cam Lộ. Qua khảo sát thực tế của Ban Kinh tế - Ngân sách ngày 28/3/2025, xác định: Dự án có 17 điểm, trong đó có 15 điểm tọa độ nằm trên địa bàn xã Cam Tuyền thuộc huyện Cam Lộ và 02 điểm tọa độ nằm trên địa bàn xã Hải Thái thuộc huyện Gio Linh; dự án chưa có trong quy hoạch sử dụng đất của huyện Cam Lộ và huyện Gio Linh. Ngày 03/4/2025 UBND tỉnh có Văn bản số 1306/UBND-KT về việc điều chỉnh địa điểm dự án Nhà máy điện gió Cam Lộ tại danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh: Xác định lại địa điểm thực hiện dự án là xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ và xã Linh Trường, Hải Thái, huyện Gio Linh*).

c. Điều chỉnh danh mục Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 06/12/2024

Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục khu đất thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất tại Nghị quyết số

²¹ (1) Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1, 2, 3; (2) Nhà máy điện gió Tân Thành Long; (3) Nhà máy điện gió Đức Thắng 2; (4) Nhà máy điện gió Hướng Phùng 7; (5) Nhà máy điện gió SCI Hướng Việt; (6) Nhà máy điện gió Hưng Bắc; (7) Nhà máy điện gió TK Power; (8) Nhà máy điện gió SCI Tân Thành; (9) Nhà máy điện gió Hướng Phùng - Lao Bảo, (10) Nhà máy điện gió Cam Lộ.

110/NQHĐND ngày 06/12/2024 với quy mô 142,2 ha và đã được UBND tỉnh công bố trên báo đầu thầu từ ngày 16/12/2024, đến nay chưa có nhà đầu tư quan tâm. Bên cạnh đó, vị trí thực hiện dự án đã phê duyệt tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND là phường 2, Đông Lễ, Đông Lương; tuy nhiên, đến nay phần diện tích khu đất nằm trên địa bàn phường 2 đang được rà soát điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 để phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045 nên phần diện tích này chưa đảm bảo tiêu chí 3 tại Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND. Do đó, để đáp ứng năng lực, lĩnh vực đầu tư cho các nhà đầu tư quan tâm và phù hợp với các tiêu chí tại Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất theo đề xuất của UBND tỉnh là điều chỉnh danh mục khu đất thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà (giai đoạn 1) với quy mô 48,96 ha thuộc địa giới hành chính phường Đông Lễ, thay thế danh mục đã được thông qua tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND.

V. Thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất - rừng

1. Danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ vào các mục đích khác (Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 27/3 /2025 và Văn bản số 1285/UBND-KTNS ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh)

a) Về cơ sở pháp lý, hồ sơ, trình tự, thủ tục

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi **159,94 ha** đất để thực hiện **23 dự án** tại 06 địa phương trong tỉnh²²; chuyển mục đích sử dụng đất **272,43 ha** (Đất trồng lúa 2,33 ha, đất rừng phòng hộ 14,92 ha, đất rừng sản xuất 255,18 ha) để thực hiện **30 dự án** tại 07 địa phương²³. Qua rà soát, danh mục các dự án đề nghị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã phù hợp với quy định tại Điều 67, Điều 72, Điều 79, Điều 122 và khoản 3 Điều 252 Luật Đất đai năm 2024, Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng huyện, Quy hoạch ngành và các văn bản hướng dẫn hiện hành, đã có trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn; UBND cấp huyện và các Sở ngành, đơn vị đề xuất bằng văn bản.

b) Nội dung

b1) Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua 21 dự án thu hồi đất và 28 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trình tại kỳ họp thứ 30-HĐND tỉnh như sau

²² Tại 06 địa phương: TXQT 01 DA, Triệu Phong 02 DA, Hải Lăng 01 DA, Cam Lộ 06 DA; Đakông 05 DA; Hướng Hóa 04 DA.

²³ Tại 07 địa phương: TP Đông Hà 01 DA, TXQT 01 DA, Triệu Phong 01 DA, Hải Lăng 02 DA, Cam Lộ 04 DA, Đakrông 10 DA, Hướng Hóa 03 DA.

(1) Nhóm thứ nhất: Các dự án đã được HĐND tỉnh cho chủ trương thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng và dự án nhận chuyển nhượng được bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật Lâm nghiệp trước thời điểm ngày 01/8/2024 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực nhưng chậm lập hồ sơ thủ tục thuê đất, phải trình lại HĐND tỉnh cho phép thu hồi đất rừng và chuyển đất rừng sản xuất theo quy định mới của Luật Đất đai năm 2024, gồm: **04 dự án²⁴ chuyển tiếp** nằm trên địa bàn huyện Đakrông; **05 dự án** trên địa bàn huyện Hướng Hóa²⁵; Dự án Khai thác mỏ sét đồi khu vực Hồ Lây, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng (giai đoạn 1) do Công ty Cổ phần Gốm cao cấp Hạ Long làm chủ đầu tư và Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính.

(2) Nhóm thứ 2: Các dự án đã phù hợp với Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, đã có chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa có trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung cấp xã; nhưng được áp dụng theo *theo khoản 3 Điều 252 của Luật Đất đai năm 2024 cho phép áp dụng Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, cho phép lập đồng thời các quy hoạch “ Quy hoạch lập, thẩm định xong trước thì phê duyệt trước; khi quy hoạch được duyệt nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch cấp thấp hơn phải điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cao hơn* để tháo gỡ khó khăn trong điều kiện giai đoạn phải sắp xếp lại Hệ thống chính trị theo quy định của Trung ương. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp, sau khi được HĐND tỉnh thông qua, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện đồng bộ các quy hoạch khi triển khai các bước tiếp theo của dự án, gồm:

- Các dự án thu hồi đất gồm: **05 dự án** làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại địa bàn huyện Đakrông, gồm: **(1) Dự án khai thác mỏ đá Gabro-Diorit làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, diện tích 15 ha, hiện trạng là đất rừng sản xuất, đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị tại Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 27/9/2024. (2) Dự án khai thác mỏ đá Garbo -**

²⁴ Gồm: **(1)** Dự án Kho bãi tập kết hàng hóa tại xã A Ngo, huyện Đakrông làm chủ đầu tư với diện tích đất rừng sản xuất 12,70 ha là dự án cấp bách; **(2)** Dự án thủy điện Bản mới diện tích đất rừng sản xuất là 7,0 ha, đất trồng lúa 0,09 ha; **(3)** Dự án thủy điện Đakrông 5, diện tích đất rừng sản xuất là 11,0 ha, **(4)** Dự án Khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị với diện tích đất rừng sản xuất 15 ha

²⁵ Dự án Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 1 (điều chỉnh diện tích tích tụ đất 7,35 ha; Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo với diện 9,96 ha; tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất dự án nghĩa trang nhân dân thị trấn Khe Sanh diện tích 9,36 ha

Diorit làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, diện tích 15 ha, đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty Cổ phần Mineral Việt Nam tại Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2024. (3) Dự án khai thác đá làm vật liệu thông thường tại thôn Ba Ngà xã Đakrông, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, diện tích 4,3 ha, hiện trạng là đất rừng sản xuất, đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty TNHH Mai Hoàng tại Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 05/10/2024; Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 25/8/2024. (4) Dự án khai thác mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, diện tích 13,45 ha, hiện trạng là đất rừng sản xuất, đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty Cổ phần xây dựng Viễn Thông Việt Nam tại Quyết định số: 3622/QĐ-UBND ngày 16/12/2020. (5) Dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, diện tích 17,20 ha, hiện trạng là đất rừng sản xuất, đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Công ty Cổ phần Bảo Nam Quảng Trị tại Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 10/2/2022) và (6) Dự án khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng với diện tích 29,7 ha; (7) Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp Trung Sơn 1, tại xã Trung Sơn với diện tích 9,3 ha.

- Tương tự như trên, với các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất của **07 dự án** làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại địa bàn huyện Đakrông (Gồm: (1) Khai thác mỏ đá Gabro-Diorit làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị do Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị với diện tích 15. (2) Khai thác mỏ đá Garbo - Diorit làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần Mineral Việt Nam làm chủ đầu tư với diện tích 15 ha. (3) Khai thác, chế biến đá Hướng Hiệp làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hướng Hiệp do Công ty CP Hải Lệ QT làm chủ đầu tư với diện tích 15 ha. (4) Khai thác đá làm vật liệu thông thường tại thôn Ba Ngà xã Đakrông tỉnh Quảng Trị do Công ty TNHH Mai Hoàng làm chủ đầu tư với diện tích 4,30 ha. (5) Khai thác mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại, xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng trị do Công ty cổ phần xây dựng viễn thông Việt Nam làm chủ đầu tư với diện tích 13,45 ha. (6) Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hướng Hiệp, huyện

Đakrông, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần Bảo Nam Quảng Trị làm chủ đầu tư với diện tích 17,20 ha); (7) Kho bãi tập kết hàng hóa tại xã A Ngo, huyện Đakrông làm chủ đầu tư với diện tích đất rừng sản xuất 12,70 ha là dự án cấp bách và (8) Dự án khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng với diện tích 29,7 ha; (9) Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp Trung Sơn 1 với diện tích 9,3 ha, tại xã Trung Sơn.

(3) Nhóm các dự án đã bổ sung hồ sơ theo đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Dự án khai thác đá Hường Hiệp làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn thôn Xa Vi, xã Hường Hiệp do Công ty TNHH Tuấn Kiệt làm chủ đầu tư đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất với diện tích 20,19 ha (*Qua giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh phát hiện dự án đã hết thời hạn cấp chủ trương đầu tư (từ tháng 11/2024) chưa đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai 2024 và có Văn bản số 27/HĐND-KTNS ngày 30/3/2025 gửi UBND tỉnh đề nghị chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ, đến ngày 31/3/2025, UBND tỉnh đã có Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 918/QĐ-UBND; dự án chưa có trong quy hoạch vùng huyện Đakrông, nhưng được phép áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 252 của Luật Đất đai 2024 cho phép áp dụng Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội*). Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua tại kỳ họp, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện đồng bộ các quy hoạch khi triển khai các bước tiếp theo của dự án.

- Dự án khai thác chế biến quặng sắt Làng Hồ, xã Hường Sơn đề nghị thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất 4,54 ha (Qua rà soát, phát hiện Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 điều chỉnh CTĐT đã hết hiệu lực từ tháng 01/2025; ngày 30/3/2025 Ban KTNS đã có Văn bản số 27/HĐND-KTNS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục hàn chỉnh hồ sơ, đến ngày 01/4/2025 UBND tỉnh đã có Quyết định số 968/QĐ-UBND điều chỉnh chủ trương đầu tư nên đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai 2024, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

(4) Nhóm các dự án còn lại đảm bảo phù hợp các điều kiện, quy định của pháp luật, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

b) Đề nghị HĐND tỉnh chưa xem xét chưa thông qua 02 dự án (thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất rừng) do chưa đảm bảo các điều kiện để trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp lần này, gồm:

(1) Dự án Cơ sở hạ tầng trụ sở Công an xã Thanh An thuộc huyện Cam Lộ đề nghị thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 0,2 ha tại xã Thanh An.

Lý do: Thực hiện theo Kết luận tại phiên họp thứ 50 Thường trực HĐND tỉnh ngày 02/4/2025, Dự án nằm trong điều chỉnh của Văn bản số 1907-CV/TU ngày 05/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trong đó yêu cầu về việc tạm dừng triển khai xây mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc các cơ quan cho đến khi có chủ trương mới về sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị và Thông báo số 910-TB/TU ngày 25/02/2025 của Thường trực Tỉnh ủy làm việc với Đảng ủy Công an tỉnh, trong đó chỉ đạo điều chỉnh các nội dung liên quan đến xây dựng trụ sở công an xã trong tình hình mới;

(2) Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tân Liên-Thuận (ĐH 86) đoạn qua xã Tân Liên (bổ sung) tại xã Tân Lập, huyện Hướng Hóa đề nghị thu hồi đất 4,3 ha và chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất 1,3 ha. Lý do là dự án do HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, không phải trình HĐND tỉnh thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 4, điều 102 Luật Đầu tư công năm 2024; khoản 4 Điều 67 và khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024.

c) Kiến nghị HĐND tỉnh

Sau khi rà soát, căn cứ ý kiến Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp thứ 50 ngày 02/4/2025. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh chỉ chấp thuận chủ trương thu hồi đất với **diện tích 155,44 ha của 21 dự án** và chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích **269,53 ha của 28 dự án**, trong đó: đất trồng lúa 2,13 ha; đất rừng phòng hộ 14,92 ha; đất rừng sản xuất 252,48 ha (So với Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 27/4/2025 và Văn bản số 1285/UBND-KTNS ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh của UBND tỉnh).

2. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 27/3/2025 và Văn bản số 1301/UBND-TNMT ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh)

a) Cơ sở pháp lý, thẩm quyền, hồ sơ thủ tục, nội dung

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện **11 dự án**²⁶ với diện tích là **199,2465 ha** (trong đó: diện tích rừng sản xuất

²⁶ (1) Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương, thành phố Đông Hà với diện tích 22,8640 ha; (2) Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm Tam Sơn với diện tích 0,8050 ha; (3) Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng với diện tích 27,4942 ha; (4) Nhà máy sản xuất phân bón từ phế liệu tại xã Hải Bình, huyện Hải Lăng với diện tích 0,0939 ha; (5) Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá (Giai đoạn 1, Khu A) tại xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh với diện tích 109,3800 ha; (6) Đường dây 220 KV ĐG Savan 1 - Lao Bảo (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) đấu nối Nhà máy Điện gió Savan 1 vào hệ thống điện Việt Nam tại xã Hướng Lộc, xã Húc, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa với diện tích 1,3560 ha; (7) Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông với diện tích 7,3489 ha; (8) Trung tâm dịch vụ hậu cần và Logistics Khu

là 175,8563 ha; diện tích rừng phòng hộ là 13,6455 ha; 9,7447 ha rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất); điều chỉnh giảm một phần diện tích rừng để thực hiện dự án Nhà máy điện gió LIG – Hướng Hoá 1 được HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND tỉnh với diện tích là 1,0103 ha rừng trồng (gồm: diện tích chiếm dụng có thời hạn (50 năm) là 0,4312 ha; diện tích chiếm dụng tạm thời là 0,5791 ha).

Qua làm việc, khảo sát thực tế tại hiện trường và thẩm tra hồ sơ, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy: Các dự án đã đảm bảo điều kiện về hồ sơ và trình tự, thủ tục bảo đảm quy định tại khoản 21, Điều 1 của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Điều 248 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh²⁷; tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật chuyên ngành. Đảm bảo một trong các điều kiện về phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng cấp huyện được có thẩm quyền phê duyệt; hồ sơ các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch vốn thực hiện, đã được thẩm định chủ trương CMĐSDR của Sở Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện trình HĐND tỉnh.

Trong **11 dự án** đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng: Có **03 dự án**²⁸ chuyển tiếp đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, nhưng do quá thời hạn 24 tháng và điều chỉnh lại diện tích nội bộ nên phải

kinh tế Đông Nam tại xã Hải Quế, huyện Hải Lăng với diện tích 11,8419 ha; (9) Dự án Đầu tư khai thác, chế biến đá, cát nhân tạo làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (đợt 2) với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 12,7556 ha; (10) Dự án Nhà máy điện gió LIG - Hướng Hoá 1 (đề nghị điều chỉnh bổ sung) với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 1,3997 ha (diện tích chiếm dụng có thời hạn (50 năm)); (11) Dự án Khai thác mỏ đá Hướng Hiệp làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn XaVi, xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị với diện tích rừng trồng chuyển đổi là 3,9073 ha.

²⁷ Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai 2024; khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/8/2024 của Chính phủ.

²⁸ (01) Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tây Bắc Hồ Xá (GĐ 1, Khu A) với diện tích 109,38 ha (RSX 99,728 ha; Ngoài QH 3 loại rừng 9,652 ha) đã được Thủ tướng Chính phủ chủ trương CMĐSDR tại văn bản số 1683/TTg-NN ngày 07/12/2021, BTVTU có Thông báo số 890-TB/TU ngày 13/02/2025 tại phiên làm việc với BQLKKT tỉnh; (02) Dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần và Logistics Khu kinh tế Đông Nam với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 11,8419 ha; trước đây đã được HĐND tỉnh cho chủ trương CMĐSDR với diện 36,8416 ha (RSX 25,5912 ha; RPH 11,2454 ha); (3) Dự án Nhà máy điện gió LIG - Hướng Hoá 1 (đề nghị điều chỉnh bổ sung) với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 1,3997 ha (diện tích chiếm dụng có thời hạn (50 năm)).

trình lại HĐND tỉnh quyết định chủ trương tại kỳ họp lần này để đảm bảo theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ, đã có văn bản giải trình nguyên nhân chậm tiến độ và cam kết của chủ đầu tư về thực hiện Dự án; có **02 Dự án**²⁹ chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện nhưng đã có trong kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2025 cấp huyện (QĐ số 810/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 UBND tỉnh phê duyệt KH CMĐSDR năm 2025 trên địa bàn huyện Hải Lăng và QĐ số 842/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 UBND tỉnh phê duyệt KH giao rừng tự nhiên, CMĐSDR năm 2025 trên địa bàn huyện Đakrông) và đang trình đồng thời hồ sơ đề nghị HĐND tỉnh thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại kỳ họp này (Việc trình HĐND tỉnh song song cả 2 nội dung đảm bảo đủ một trong các điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 248 Luật Đất đai 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp 2017); **05 dự án còn lại**³⁰ đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án trên. Riêng có **01 Dự án**³¹ đã có kế hoạch sử dụng đất năm 2024 nhưng chưa có trong kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2025 huyện Đakrông, dự án đã có báo cáo thẩm định số 68/BC-SNNMT ngày 02/4/2025 của Sở NN&MT chỉ đảm bảo đủ điều kiện trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMĐSDR sau khi chủ đầu tư bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 hoặc Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2025 của huyện Đakrông.

b) Kiến nghị HĐND tỉnh

Chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện **11 dự án**, với tổng diện tích là **199,2465 ha**, gồm 13,6455 ha rừng trồng phòng hộ, 175,8563 ha rừng trồng sản xuất và 9,7447 ha rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất; **trong đó, riêng đối với dự án**

²⁹ (01) Dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1), diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 27,4942 ha; (02) Dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 7,3489 ha.

³⁰ (1) Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương, thành phố Đông Hà với diện tích 22,8640 ha; (2) Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm Tam Sơn với diện tích 0,8050 ha; (3) Nhà máy sản xuất phối nhôm từ phế liệu tại xã Hải Bình, huyện Hải Lăng với diện tích 0,0939 ha; (4) Đường dây 220 KV ĐG Savan 1 - Lao Bảo (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) đầu nối Nhà máy Điện gió Savan 1 vào hệ thống điện Việt Nam tại xã Hướng Lộc, xã Húc, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa với diện tích 1,3560 ha; (5) Dự án Đầu tư khai thác, chế biến đá, cát nhân tạo làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp đi kèm tại xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (đợt 2) với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi 12,7556 ha.

³¹ Dự án Khai thác mỏ đá Hướng Hiệp làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn XaVi, xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị với diện tích rừng trồng đề nghị chuyển đổi là 3,9073 ha; đã có trong KH sử dụng đất huyện Đakrông năm 2024 tại QĐ số 634/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh là 20,19 ha.

Khai thác mỏ đá Hường Hiệp làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Xa Vi, xã Hường Hiệp, huyện Đakrông với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng 3,9073 ha, trước khi quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát bổ sung hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất hoặc kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2025 đảm bảo theo đúng các quy định. Giao UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện CMĐSD rừng chịu trách nhiệm về các thông tin, tính pháp lý, sự chính xác của số liệu, hợp lệ của hồ sơ và các nội dung liên quan đến dự án; chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giao đất, cho thuê đất, trồng rừng thay thế, xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, không được làm thất thoát tài sản đất, rừng; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án, không để xảy ra khiếu kiện phức tạp, gây mất trật tự xã hội.

VI. Các dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 08 dự thảo nghị quyết cá biệt, 02 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Ánh